



bù léi
布雷

verb-object · lay mines

Example Sentences

Jūn duì zài biān jìng bù léi
军队在边境布雷。

The army laid mines at the border.

Bù léi xíng dòng xū yào xiǎo xīn jǐn shèn
布雷行动需要小心谨慎。

Mine-laying operations require caution.

Zhàn hòu qīng lǐ bù léi qū yù fēi cháng wēi xiǎn
战后清理布雷区域非常危险。

Clearing mine-laid areas after war is very dangerous.

Trace each character, then write the word on your own.

布	布	布	布	布	布	布	布				
雷	雷	雷	雷	雷	雷	雷	雷	雷	雷	雷	雷
雷	雷	雷	雷	雷							